



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 63

Ngày 01 tháng 11 năm 2011

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

06-10-2011	Quyết định số 62/2011/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi có sự cố, tai nạn xảy ra trong phạm vi công trình đường hầm Thủ Thiêm.	3
------------	---	---

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3

16-9-2011	Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND về thành lập Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận 3 thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 3.	16
-----------	--	----

12-10-2011	Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận 3.	19
------------	--	----

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

04-10-2011	Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND về việc ban hành quy chế tổ chức, hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 10.	31
------------	---	----

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

10-10-2011	Quyết định số 4813/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế xét tôn vinh Danh hiệu “Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu”.	42
10-10-2011	Quyết định số 4834/QĐ-UBND về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu dân cư phường 8, 9, 10, quận 8 (phần hạ tầng kỹ thuật).	49
10-10-2011	Quyết định số 4836/QĐ-UBND về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu dân cư Rạch Lào (khu A) phường 15, quận 8 (phần hạ tầng kỹ thuật).	54
10-10-2011	Quyết định số 4837/QĐ-UBND về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu dân cư công viên phường 4, quận 8 (phần hạ tầng kỹ thuật).	59

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 62/2011/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh,
an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi có
sự cố, tai nạn xảy ra trong phạm vi công trình đường hầm Thủ Thiêm**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam số 40/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 34/2010/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 33/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2010/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 60/2011/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 48/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải.

Căn cứ Nghị định số 71/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 35/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về biện pháp pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội;

Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 36/TTr-SGTVT ngày 30 tháng 9 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi có sự cố, tai nạn xảy ra trong phạm vi công trình đường hầm Thủ Thiêm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Công an thành phố, Bộ Tư lệnh thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy, Giám đốc Sở Y

tế, Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận 1, quận 2, quận 4, Cảng vụ Hàng hải thành phố, Lực lượng Thanh niên xung phong, Tổng Công ty Điện lực thành phố TNHH một thành viên, Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên, Trung tâm Quản lý đường hầm Thủ Thiêm vượt sông Sài Gòn, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, an toàn giao thông,
phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi có sự cố, tai nạn xảy ra
trong phạm vi công trình đường hầm Thủ Thiêm**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 62/2011/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng:

Quy chế này quy định về công tác phối hợp trong đảm bảo an ninh, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi có sự cố, tai nạn xảy ra trong phạm vi công trình đường hầm Thủ Thiêm.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm trong công tác đảm bảo an ninh, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi có sự cố, tai nạn xảy ra trong phạm vi công trình đường hầm Thủ Thiêm.

Điều 2. Hành lang an toàn và phạm vi công trình đường hầm Thủ Thiêm

1. Hành lang an toàn của công trình đường hầm Thủ Thiêm được xác định như sau:

a) Phần trên sông Sài Gòn: 100m (từ tim hầm về phía thượng lưu 50m, và về phía hạ lưu 50m);

b) Phần trên bờ, phía quận 1:

- Chiều ngang:

+ Phía Bắc: trong phạm vi lộ giới dự án Đại lộ Đông - Tây Thành phố;

+ Phía Nam (phía kênh Bến Nghé): từ tim hầm ra 50m;

- Chiều dọc: tính từ đầu hầm dẫn (lý trình Km 13+375 dự án Đại lộ Đông - Tây Thành phố);

c) Phần trên bờ, phía quận 2:

- Chiều ngang: trong phạm vi lộ giới dự án Đại lộ Đông - Tây Thành phố;

- Chiều dọc: tính từ đầu hầm dẫn (lý trình Km 14+865 dự án Đại lộ Đông - Tây Thành phố).

2. Phạm vi công trình đường hầm Thủ Thiêm: là tất cả các công trình xây dựng nằm trong hành lang an toàn của đường hầm Thủ Thiêm được xác định tại Quy chế này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sự cố, tai nạn bao gồm: tai nạn giao thông và các tai nạn khác xảy ra trong đường hầm; các sự cố về cháy, nổ phương tiện, thiết bị; sập đổ công trình; rò rỉ, phát tán hóa chất độc hại và các sự cố khác xảy ra trong phạm vi công trình đường hầm Thủ Thiêm.

2. Sự cố, tai nạn không nghiêm trọng: là các sự cố, tai nạn không có thương vong, không cháy nổ và không ảnh hưởng đến giao thông qua hầm.

3. Sự cố, tai nạn nghiêm trọng: là các sự cố, tai nạn xảy ra có thương vong; cháy nổ, hư hỏng kết cấu, thiết bị của đường hầm, ảnh hưởng đến giao thông qua hầm (Phải đóng một số làn xe lưu thông qua hầm).

4. Sự cố, tai nạn đặc biệt nghiêm trọng: là các sự cố, tai nạn xảy ra gây ra hậu quả bắt buộc phải đóng toàn bộ hầm để điều tra xử lý và khắc phục hậu quả.

5. Cơ quan chủ trì: là cơ quan có trách nhiệm chủ trì xây dựng các kế hoạch, phương án và tổ chức thực hiện xử lý sự cố, tai nạn theo từng tình huống cụ thể đối với phạm vi lĩnh vực được giao.

6. Cơ quan chỉ huy: là cơ quan có trách nhiệm chỉ huy, triển khai phương án xử lý sự cố, tai nạn đối với phạm vi lĩnh vực được giao.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

1. Công tác xử lý sự cố, tai nạn trong mọi tình huống ưu tiên cứu người bị nạn, hạn chế tối đa thiệt hại về tài sản, vật chất.

2. Cơ quan chủ trì được quyền yêu cầu các cơ quan, tổ chức và đơn vị có liên quan phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và phân công trong Quy chế này.

3. Cơ quan chỉ huy có trách nhiệm chỉ huy, triển khai phương án nhanh chóng, hợp lý, hiệu quả ngay khi nhận được thông báo xảy ra sự cố, tai nạn và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Các cơ quan, đơn vị tham gia phối hợp phải chấp hành lệnh điều động của cơ quan có thẩm quyền, sự điều hành của cơ quan chỉ huy và thực hiện trách nhiệm theo quy định; đảm bảo kịp thời, thống nhất và hỗ trợ nhau trong quá trình xử lý sự cố, tai nạn.

4. Cơ quan chỉ huy và các cơ quan tham gia phối hợp phải tổ chức lực lượng, cung cấp danh sách nhân sự và số điện thoại khẩn cấp (đường dây nóng) cho tất cả các cơ quan, đơn vị liên quan để thông tin liên lạc kịp thời khi có sự cố, tai nạn xảy ra.

Điều 5. Cơ quan chỉ huy xử lý sự cố, tai nạn

1. Đối với các sự cố, tai nạn đặc biệt nghiêm trọng:

Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Đối với các sự cố, tai nạn nghiêm trọng:

a) Các sự cố, tai nạn liên quan đến an ninh hoặc an toàn giao thông:

Công an thành phố.

b) Các sự cố, tai nạn về cháy, nổ:

Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy.

c) Các sự cố, tai nạn liên quan đến kết cấu và thiết bị đường hầm:

Sở Giao thông vận tải.

3. Đối với các sự cố, tai nạn không nghiêm trọng:

Các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc Ủy ban nhân dân các quận có liên quan (quận 1, quận 2 và quận 4) chỉ huy và phối hợp với Trung tâm Quản lý đường hầm Thủ Thiêm vượt sông Sài Gòn (gọi tắt là Trung tâm) để xử lý sự cố, tai nạn và xử lý các hành vi vi phạm.

Chương II**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG HOẠT ĐỘNG
ĐẢM BẢO AN NINH, AN TOÀN GIAO THÔNG, PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ****Điều 6. Công tác đảm bảo an ninh và an toàn giao thông**

1. Cơ quan chủ trì: Công an thành phố

a) Chủ trì xây dựng phương án và tổ chức thực hiện công tác đảm bảo an ninh và an toàn giao thông trong phạm vi công trình đường hầm Thủ Thiêm;

b) Chủ trì xây dựng phương án và tổ chức xử lý các sự cố, tai nạn giao thông xảy ra trong phạm vi công trình đường hầm Thủ Thiêm;

c) Chủ trì điều tra, khám nghiệm hiện trường xác định nguyên nhân của sự cố, tai nạn.

2. Các cơ quan tham gia phối hợp:

a) Bộ Tư lệnh thành phố;

b) Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng thành phố;

c) Ủy ban nhân dân quận 1 và quận 2;

d) Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy;

đ) Sở Y tế;

e) Sở Giao thông vận tải;

g) Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh;

h) Trung tâm Quản lý đường hầm Thủ Thiêm;

i) Các cơ quan khác có liên quan (theo yêu cầu, phương án của Công an thành phố).

Điều 7. Công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Cơ quan chủ trì: Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy.

a) Chủ trì xây dựng các phương án và tổ chức thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi công trình đường hầm Thủ Thiêm;

b) Chủ trì xây dựng kế hoạch, tổ chức diễn tập các phương án phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo định kỳ.

c) Chủ trì tổ chức công tác kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy theo định kỳ, tiến hành khám nghiệm hiện trường và điều tra nguyên nhân sự cố cháy, nổ.

2. Các cơ quan tham gia phối hợp:

a) Công an thành phố;

b) Bộ Tư lệnh thành phố;

c) Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng thành phố;

d) Sở Y tế;

đ) Sở Giao thông vận tải;

e) Lực lượng Thanh niên xung phong;

g) Trung tâm Quản lý đường hầm Thủ Thiêm;

h) Các cơ quan khác có liên quan (theo yêu cầu, phương án của Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy).

Điều 8. Công tác bảo vệ kết cấu công trình đường hầm

1. Cơ quan chủ trì: Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì tổ chức thực hiện bảo vệ kết cấu hạ tầng công trình đường hầm Thủ Thiêm;

b) Chủ trì xây dựng phương án tổ chức giao thông và khai thác đường hầm Thủ Thiêm.

2. Các cơ quan tham gia phối hợp:

a) Công an thành phố;

b) Cảng vụ Hàng hải thành phố;

c) Trung tâm Quản lý đường hầm Thủ Thiêm;

d) Các cơ quan khác có liên quan (theo yêu cầu, phương án của Sở Giao thông vận tải).

Điều 9. Trách nhiệm cụ thể của một số cơ quan khác

1. Sở Y tế: Chủ trì tổ chức, chuẩn bị lực lượng y bác sĩ, sẵn sàng huy động các phương tiện, trang thiết bị, cơ số thuốc cần thiết để tham gia hoạt động cấp cứu, đảm bảo việc sơ cứu ban đầu và đưa người bị nạn đến cơ sở y tế gần nhất.

2. Sở Tài chính: Phối hợp với các cơ quan chức năng xem xét, cân đối ngân sách thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định để thực hiện công tác đảm bảo an ninh, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi công trình đường hầm Thủ Thiêm.

3. Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ trì hướng dẫn, chỉ đạo xây dựng phương án và tổ chức điều tiết giao thông hàng hải đảm bảo an toàn trong hành lang an toàn công trình đường hầm Thủ Thiêm;

4. Ủy ban nhân dân quận 1 và quận 2: Xây dựng kế hoạch, phương án huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị để tham gia phối hợp đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi công trình đường hầm Thủ Thiêm.

5. Lực lượng Thanh niên xung phong: Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan; chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị để tham gia các hoạt động đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông và khắc phục hậu quả khi có sự cố, tai nạn xảy ra trong phạm vi công trình đường hầm Thủ Thiêm.

6. Tổng Công ty Điện lực thành phố TNHH một thành viên:

a) Lập phương án cung cấp điện ưu tiên và đảm bảo cung cấp điện liên tục cho công tác khai thác vận hành đường hầm Thủ Thiêm;

b) Phối hợp với Trung tâm xây dựng phương án phối hợp nhằm đảm bảo an toàn điện cho các lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi tham gia xử lý sự cố, tai nạn xảy ra trong phạm vi công trình đường hầm Thủ Thiêm.

7. Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên: Cung cấp nước cho hoạt động vận hành, bảo trì của đường hầm Thủ Thiêm liên tục và phục vụ cho công tác phòng cháy, chữa cháy liên tục, đầy đủ.

8. Trung tâm Quản lý đường hầm Thủ Thiêm:

a) Tổ chức thực hiện quản lý, vận hành, khai thác, duy tu, bảo trì công trình đường hầm Thủ Thiêm theo chức năng, nhiệm vụ;

b) Tổ chức xử lý ban đầu trong mọi tình huống sự cố, tai nạn xảy ra trong khả năng cho phép; đồng thời thông báo ngay đến các cơ quan chức năng liên quan;

c) Báo cáo kịp thời về Sở Giao thông vận tải mọi sự cố, tai nạn xảy ra trong phạm vi công trình đường hầm Thủ Thiêm.

Chương III

KHẮC PHỤC HẬU QUẢ SAU SỰ CỐ, TAI NẠN

Điều 10. Các cơ quan, đơn vị tham gia xử lý sự cố, tai nạn phải phối hợp thu dọn hiện trường trong thời gian nhanh nhất; ngăn chặn lây lan hóa chất độc hại, khí độc (nếu có); tiêu độc, khử trùng, phòng dịch, vệ sinh môi trường tại khu vực xảy ra sự cố, tai nạn.

Điều 11. Các cơ quan, đơn vị tham gia xử lý sự cố, tai nạn tùy theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm thống kê, đánh giá mức độ thiệt hại (về người và tài sản) gửi về cơ quan, đơn vị chủ trì theo từng lĩnh vực để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để có ý kiến chỉ đạo, quyết định các biện pháp xử lý khắc phục hậu quả sau sự cố, tai nạn.

Chương IV

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO, HỘI HỢP

Điều 12. Đối với các sự cố, tai nạn nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng

1. Trung tâm Quản lý đường hầm Thủ Thiêm thực hiện thông tin, báo cáo đến các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chỉ huy xử lý sự cố, tai nạn bằng đường dây nóng; người thực hiện thông tin, báo cáo phải báo rõ họ tên, chức vụ, bộ phận công tác và tình hình, địa điểm, cấp độ của sự cố, tai nạn.

2. Trong quá trình phối hợp xử lý sự cố, tai nạn việc báo cáo, thông tin liên lạc giữa các cơ quan, đơn vị được thực hiện bằng hệ thống thông tin vô tuyến, hữu tuyến đã được thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị.

3. Sau khi xử lý xong sự cố, tai nạn, Trung tâm Quản lý đường hầm Thủ Thiêm phải có báo cáo bằng văn bản đến Sở Giao thông vận tải và cơ quan chủ trì về lĩnh vực sự cố, tai nạn được xử lý.

4. Việc thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về sự cố, tai nạn và kết quả xử lý, khắc phục phải do thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chỉ huy xử lý sự cố, tai nạn chịu trách nhiệm công bố.

Điều 13. Đối với các sự cố, tai nạn không nghiêm trọng

1. Trung tâm Quản lý đường hầm Thủ Thiêm báo cáo kịp thời sự cố, tai nạn có

liên quan đến an toàn, an ninh công trình và sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị để chủ động khắc phục hậu quả.

2. Phối hợp với các lực lượng trên địa bàn thực hiện các biện pháp theo phương án và sự phân công trong kế hoạch đã được phê duyệt.

3. Thống kê, báo cáo các vụ, việc xảy ra sự cố, tai nạn theo quy định.

4. Ngay khi phát hiện sự cố, tai nạn gia tăng ở cấp độ nghiêm trọng hơn thì Trung tâm Quản lý đường hầm Thủ Thiêm phải thông báo kịp thời đến các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định trong Quy chế này.

Điều 14. Đối với công tác phối hợp thường xuyên, định kỳ

1. Định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý, cơ quan chủ trì (theo phạm vi lĩnh vực được nêu tại Quy chế này) tổ chức họp giao ban về các công tác đảm bảo an ninh, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi công trình đường hầm Thủ Thiêm và đề xuất các biện pháp cần thiết nhằm thực hiện có hiệu quả công tác phối hợp theo Quy chế này.

2. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, Trung tâm Quản lý đường hầm Thủ Thiêm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức huấn luyện, diễn tập các phương án về đảm bảo an ninh, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Thông qua công tác diễn tập, Trung tâm tổ chức hội nghị đúc kết kinh nghiệm, bổ sung, chỉnh sửa hoàn thiện các phương án và báo cáo theo quy định.

3. Sở Giao thông vận tải chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn Trung tâm Quản lý đường hầm Thủ Thiêm thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn công trình đường hầm Thủ Thiêm và hợp tác với cơ quan có liên quan trong việc triển khai các hoạt động phối hợp kiểm tra về an ninh, an toàn phòng cháy và chữa cháy theo kế hoạch đã được thống nhất.

Chương V

NGUỒN TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH VÀ ĐẦU TƯ CHO HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO AN NINH, AN TOÀN GIAO THÔNG, PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ

Điều 15. Nguồn tài chính đảm bảo cho hoạt động đảm bảo an ninh, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Ngân sách (Thành phố, quận, phường) cấp theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản hỗ trợ, viện trợ, đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

3. Các khoản thu thông qua các hợp đồng dịch vụ, đền bù của cơ quan bảo hiểm, các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Đầu tư trang bị cho hoạt động đảm bảo an ninh, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Việc đầu tư đảm bảo các hoạt động của các lực lượng đảm bảo an ninh, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thụ hưởng từ ngân sách thành phố, được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Hàng năm, ngân sách thành phố đảm bảo và bố trí kinh phí cho Trung tâm để tổ chức đào tạo, huấn luyện, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, pháp lý, diễn tập, các hoạt động hội thảo, hội nghị về các công tác đảm bảo an ninh, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Khen thưởng - xử lý vi phạm

1. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có thành tích trong hoạt động đảm bảo an ninh, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của Quy chế này được khen thưởng theo Luật Thi đua, khen thưởng, các nghị định, thông tư hướng dẫn và các quy định khác của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về các hoạt động đảm bảo an ninh, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi công trình đường hầm Thủ Thiêm thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị trong phạm vi điều chỉnh của Quy chế này có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế đến từng cơ quan, đơn vị trực thuộc có liên quan và quy định rõ thời gian triển khai thực hiện; thường xuyên huấn luyện, diễn tập các phương án đảm bảo chất lượng chuyên môn, hiệu quả khi tham gia xử lý các sự cố, tai nạn xảy ra theo quy định của Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung Quy chế, các Sở - ban - ngành, các cơ quan có liên quan phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 3****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2011/QĐ-UBND

Quận 3, ngày 16 tháng 9 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH**Về thành lập Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận 3
thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 3****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường và Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ

Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và Thông tư số 20/2011/TT-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định bổ sung về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Liên Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, biên chế và cơ chế tài chính của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 3 tại Công văn số 832/TNMT ngày 22 tháng 10 năm 2010 về thành lập Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ Quận 3 tại Tờ trình số 619/TTr-PNV ngày 07 tháng 9 năm 2011 và Báo cáo thẩm định số 896/BC-TP ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Trưởng Phòng Tư pháp Quận 3,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận 3.

Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận 3 là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 3; có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận 3 được quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Liên Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, biên chế và cơ chế tài chính của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giao Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 3 phối hợp với Phòng Nội vụ Quận 3, căn cứ quy định, hướng dẫn của các Bộ, Sở - ngành có liên quan, tiến hành đề xuất sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận 3 trình Ủy ban nhân dân Quận 3 xem xét, phê duyệt theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 3, Trưởng Phòng Nội vụ Quận 3, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 3, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 3, Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận 3, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường Quận 3 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Lệ

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2011/QĐ-UBND

Quận 3, ngày 12 tháng 10 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận 3**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường và Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và Thông tư số 20/2011/TT-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định bổ

sung về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Liên Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, biên chế và cơ chế tài chính của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất;

Căn cứ Công văn Hướng dẫn số 1606/SNV-XDCQ ngày 09 tháng 11 năm 2010 của Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức bộ máy, biên chế của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận, huyện;

Căn cứ Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Quận 3 về thành lập Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận 3;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 3 tại Công văn số 832/TNMT ngày 22 tháng 10 năm 2010 về thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận 3;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ Quận 3 tại Tờ trình số 715/TTr-PNV ngày 06 tháng 10 năm 2011 và Báo cáo thẩm định số 408/BC-TP ngày 11 tháng 8 năm 2011 của Phòng Tư pháp Quận 3,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận 3.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 3, Trưởng Phòng Nội vụ Quận 3, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 3, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận 3 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Lệ

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động

của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận 3
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Quận 3)*

Chương I

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí và chức năng

Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận 3 là đơn vị sự nghiệp công lập, có chức năng tổ chức thực hiện đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; chỉnh lý biến động về sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; xây dựng và quản lý, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính; xây dựng cơ sở dữ liệu và là cơ quan cung cấp thông tin có giá trị pháp lý về thửa đất và người sử dụng đất.

Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất của quận chịu sự lãnh đạo toàn diện của Ủy ban nhân dân Quận 3 và chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 3, đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất của quận có con dấu riêng, được mở tài khoản theo quy định của pháp luật; được tự đảm bảo một phần kinh phí, chi phí hoạt động thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận 3 có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Thực hiện các thủ tục về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận) trên địa bàn quận đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định

cur ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;

2. Đăng ký và chỉnh lý biên động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật;

3. Lưu trữ, quản lý và chỉnh lý toàn bộ hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu thuộc tính địa chính đối với tất cả các thửa đất trên địa bàn quận; gửi thông báo chỉnh lý biên động cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân phường để chỉnh lý hồ sơ địa chính đối với những trường hợp thuộc thẩm quyền; kiểm tra việc cập nhật và chỉnh lý hồ sơ địa chính của Ủy ban nhân dân phường;

4. Cung cấp số liệu địa chính cho cơ quan chức năng xác định mức thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, các loại thuế có liên quan đến đất đai và tài sản khác gắn liền với đất đối với người sử dụng, chủ tài sản gắn liền với đất là cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam;

5. Lưu trữ, quản lý bản lưu, bản sao Giấy chứng nhận và các giấy tờ khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định;

6. Thực hiện trích đo địa chính thửa đất, khu đất và tài sản gắn liền với đất; kiểm tra chất lượng tài liệu trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng cung cấp, do các đơn vị đo đạc thực hiện, trước khi sử dụng, quản lý;

7. Thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp quận và cấp phường;

8. Cung cấp, trích lục bản đồ địa chính, trích sao hồ sơ địa chính và các thông tin khác về đất đai, tài sản gắn liền với đất phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu của cộng đồng;

9. Thực hiện việc thu phí, lệ phí và các dịch vụ về cung cấp thông tin đất đai, tài sản gắn liền với đất, trích đo địa chính thửa đất, khu đất, trích lục bản đồ địa chính, trích sao hồ sơ địa chính theo quy định của pháp luật;

10. Quản lý viên chức, người lao động, tài chính và tài sản thuộc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất của quận theo quy định của pháp luật;

11. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định hiện hành;

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận giao theo quy định.

Chương II

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất của quận có Giám đốc và không quá 02 (hai) Phó Giám đốc.

a) Giám đốc chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận (theo phân công của Chủ tịch) và Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận về toàn bộ kết quả và hiệu quả hoạt động của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận.

b) Phó Giám đốc giúp Giám đốc phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và liên đới chịu trách nhiệm với Giám đốc trước Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, 01 (một) Phó Giám đốc được Giám đốc ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất của quận.

c) Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo tiêu chuẩn chức danh về chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và theo quy định của pháp luật.

2. Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất của quận được tổ chức thành các Tổ nghiệp vụ như sau:

a) Tổ Hành chính - Tổng hợp: phụ trách công tác hành chính - quản trị, kế toán - tài chính, tổ chức - lao động tiền lương, kế hoạch - tổng hợp - báo cáo.

b) Tổ Đăng ký nhà đất: tiếp nhận, thụ lý, giải quyết hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận, đăng ký giao dịch bảo đảm nhà, đất, đăng ký và chỉnh lý biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

c) Tổ Lưu trữ và công nghệ thông tin:

- Xây dựng và quản lý hệ thống mạng nội bộ, các phần mềm quản lý của đơn vị; phối hợp xây dựng, tích hợp, xử lý, quản lý và khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu địa chính, bảo đảm việc kết nối giữa các bộ phận trong cơ quan với Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Hồ Chí Minh và các đơn vị liên quan;

- Khai thác, xử lý và cung cấp thông tin đất đai từ hồ sơ địa chính; thực hiện trích đo địa chính thửa đất, khu đất; trích lục bản đồ địa chính, trích sao hồ sơ địa chính; kiểm tra chất lượng tài liệu trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng cung cấp, do các đơn vị đo đạc thực hiện trước khi đưa vào sử dụng, quản lý;

- Lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn, thường xuyên đồng bộ hóa dữ liệu biến động khi dữ liệu đã được kết nối mạng với Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Hồ Chí Minh; cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính và gửi thông báo cập nhật, chỉnh lý cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân phường để cập nhật chỉnh lý;

- Lưu trữ, quản lý hồ sơ cấp Giấy chứng nhận và các giấy tờ khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; Tổ chức bảo quản an toàn, xác định chế độ sử dụng của từng loại tài liệu và thực hiện các dịch vụ khai thác tư liệu địa chính - nhà đất cho tổ chức và cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện việc thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của quận và phường.

d) Việc sát nhập, bổ sung, thay đổi các Tổ nghiệp vụ do Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất của quận quyết định, sau khi có ý kiến của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận và được Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận (theo phân công của Chủ tịch) chấp thuận.

Các Tổ chuyên môn có Tổ trưởng và không quá 02 (hai) Tổ phó, do Giám đốc chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (theo phân công của Chủ tịch) và Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và cho thôi giữ chức vụ.

Điều 4. Biên chế

Biên chế của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận là biên chế sự nghiệp do Ủy ban nhân dân quận quyết định số lượng biên chế trong tổng chỉ tiêu biên chế hành chính sự nghiệp được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao cho quận hàng năm, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao theo quy định.

Việc quản lý, sử dụng biên chế của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 112/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý biên chế đối với đơn vị sự nghiệp của Nhà nước; Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm

2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Ngoài định mức biên chế được giao nêu trên, Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất của quận được quyền ký hợp đồng lao động thời vụ, thuê khoán công việc theo quy định và trả lương từ nguồn thu của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận, để giải quyết những công việc cấp bách, đột xuất hoặc nghiệp vụ chuyên môn (đối với những công việc không cần bố trí biên chế thường xuyên), để đáp ứng yêu cầu công tác của đơn vị theo kế hoạch hàng năm.

Chương III

LẬP, CẬP NHẬT, CHỈNH LÝ HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH, CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊA CHÍNH

Điều 5. Lập hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính

Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận có trách nhiệm lập hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính để phục vụ cho quản lý đất đai ở quận và sao gửi cho Ủy ban nhân dân phường để phục vụ cho quản lý đất đai ở phường.

Điều 6. Căn cứ để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính

Việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính được thực hiện dựa trên các căn cứ sau:

- Bản sao Giấy chứng nhận, hồ sơ đăng ký biến động về sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được giải quyết;

- Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính của thửa đất hoặc của khu vực các thửa đất có biến động về ranh giới thửa đất đã được sử dụng để cấp mới hoặc chỉnh lý Giấy chứng nhận;

- Thông báo về việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Hồ Chí Minh gửi đến.

Điều 7. Cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính

Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất của quận có trách nhiệm thực hiện việc cập nhật, chỉnh lý bản đồ địa chính và dữ liệu thuộc tính địa chính đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp mới hoặc chỉnh lý Giấy chứng nhận của cấp quận ngay khi thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Trong thời gian chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu địa chính thì việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính được thực hiện trên giấy theo quy định; đồng thời phải gửi thông báo việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân phường để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính đang quản lý.

Sau khi hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính và đã được kết nối đồng bộ qua mạng với Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất của quận phải cập nhật mọi biến động về sử dụng đất vào phần mềm quản trị dữ liệu.

Chương IV

BẢO QUẢN VÀ SỬ DỤNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ

Điều 8. Bảo quản tài liệu

1. Tài liệu lưu trữ địa chính - nhà đất phải được quản lý theo một quy trình thống nhất, sắp xếp theo các phong và đơn vị bảo quản, thống nhất về kích cỡ, chất liệu, mẫu mã, màu sắc, nhãn mác của từng chủng loại hồ sơ trong hệ thống thông tin lưu trữ tư liệu tài nguyên - môi trường cả nước.

2. Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất của quận căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, Sở - ngành liên quan, để quy định cụ thể, nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo quản và các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy, an toàn bí mật.

3. Thời hạn bảo quản hồ sơ địa chính và tài liệu có liên quan đến hồ sơ địa chính:

- Bảo quản vĩnh viễn đối với bản đồ địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai, sổ theo dõi biến động đất đai, bản lưu, bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ xin đăng ký biến động về sử dụng đất.

- Bảo quản có thời hạn 05 (năm) năm đối với giấy tờ thông báo công khai các trường hợp đủ điều kiện, trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận; Thông báo về nội dung đã chỉnh lý hoặc cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ kèm theo; Bản trích sao hồ sơ địa chính đã được chỉnh lý, cập nhật và các giấy tờ kèm theo.

4. Việc hủy các tài liệu địa chính - nhà đất hết giá trị do Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất của quận báo cáo, kiến nghị Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận đề nghị Ủy ban nhân dân quận thành lập Hội đồng hủy tài liệu và tổ chức thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức sử dụng tài liệu

1. Sau khi tiến hành xử lý nghiệp vụ đối với các tài liệu lưu trữ, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất của quận phải lập thẻ chuyên đề, các công cụ tra cứu để phục vụ khai thác có hiệu quả.

2. Đối với các thông tin tư liệu địa chính - nhà đất, thông tin tư liệu tài nguyên - môi trường có quy định khi cung cấp cho các đối tượng sử dụng chỉ được cung cấp bản sao thì Giám đốc thực hiện chứng thực bản sao này theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Chỉ giải quyết cho mượn hồ sơ mang ra khỏi kho lưu trữ khi có văn bản của cơ quan yêu cầu, trong các trường hợp sau:

- Các cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án cần mượn hồ sơ, tài liệu phục vụ cho việc điều tra, tố tụng.

- Các trường hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo của Thanh tra.

- Thụ lý hồ sơ cấp Giấy chứng nhận, hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

4. Cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên - môi trường; thông tin về nhà, đất và tài sản khác gắn liền với đất cho ngành cấp trên, các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức, cá nhân được cung cấp thông tin phải trả tiền sử dụng thông tin và tiền dịch vụ cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí (trừ trường hợp không phải trả tiền theo quy định của pháp luật).

Chương V

CƠ CHẾ TÀI CHÍNH VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 10. Cơ chế tài chính

Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất của quận thực hiện cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Nguồn kinh phí

1. Nguồn thu sự nghiệp, gồm:

- Phần tiền thu phí, lệ phí được để lại cho đơn vị sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Thu từ hoạt động dịch vụ phù hợp với lĩnh vực chuyên môn và khả năng của đơn vị;

- Thu khác (nếu có).

2. Trường hợp thu không đủ bù chi, Ủy ban nhân dân quận căn cứ vào cân đối ngân sách của quận để giải quyết bổ sung kinh phí hoạt động theo quy định:

- Kinh phí bảo đảm hoạt động thường xuyên thực hiện chức năng, nhiệm vụ sau khi đã cân đối với nguồn thu sự nghiệp;

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền đặt hàng, nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao;

- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kinh phí mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định phục vụ hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Kinh phí khác (nếu có).

Điều 12. Nội dung chi

1. Chi thường xuyên, gồm:

- Chi hoạt động thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ đã quy định;

- Chi hoạt động thường xuyên phục vụ cho công tác thu phí, lệ phí;

- Các khoản chi chuyên môn, nghiệp vụ;

- Các khoản chi khác theo chế độ quy định;

- Chi hoạt động dịch vụ, gồm: tiền lương, tiền công; các khoản phụ cấp lương; các khoản trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo quy định của pháp luật hiện hành; nguyên, nhiên, vật liệu; khấu hao tài sản cố định; sửa chữa tài sản cố định; chi các khoản thuế phải nộp theo quy định của pháp luật và các khoản chi khác (nếu có);

2. Chi không thường xuyên, gồm:

- Chi thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền đặt hàng, nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao;

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định phục vụ hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Chi khác (nếu có).

Chương VI **MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

Điều 13.

1. Đối với Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Hồ Chí Minh

Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận chịu sự hướng dẫn, kiểm tra của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố về việc cấp Giấy chứng nhận, đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; phối hợp với Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính và đồng bộ hóa dữ liệu đối với trường hợp đã hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu và đã được kết nối đồng bộ qua mạng theo quy định.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận

Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận chịu sự lãnh đạo và quản lý toàn diện của Ủy ban nhân dân quận. Giám đốc Đăng ký quyền sử dụng đất quận có thể trực tiếp nhận chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận (theo phân công của Chủ tịch) theo yêu cầu nhiệm vụ và có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân quận việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

3. Đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường quận

Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận chịu sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận.

Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất của quận chịu trách nhiệm trực tiếp báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận những vấn đề thuộc trách nhiệm quản lý, tình hình và kết quả hoạt động của Văn phòng; tham dự đầy đủ các cuộc họp do Phòng Tài nguyên và Môi trường quận triệu tập; thực hiện và kiểm tra việc thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận (theo phân công của Chủ tịch) và của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận đối với lĩnh vực được phân công;

Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất của quận phải báo cáo kịp thời cho Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận những điểm không phù hợp hoặc trái với quy định hiện hành của nhà nước và phải xin ý kiến của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền theo quy định.

4. Đối với Ủy ban nhân dân các phường

Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất của quận có mối quan hệ phối hợp với Ủy ban nhân dân các phường; Có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc cập nhật chỉnh lý hồ sơ địa chính đối với cán bộ làm công tác Địa chính - Xây dựng và hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. Việc kiểm tra được thực hiện định kỳ hàng năm; trong trường hợp cần thiết thì thực hiện kiểm tra đột xuất.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 14. Căn cứ Quy chế này, Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất của quận và Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, sắp xếp, tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự phù hợp với công việc được giao và cụ thể hóa thành quy trình làm việc, phân công trách nhiệm cho từng cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất của quận phù hợp với đặc điểm của quận, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Ủy ban nhân dân quận quyết định để thi hành.

Điều 15. Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất của quận, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì báo cáo, đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 10****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2011/QĐ-UBND

Quận 10, ngày 04 tháng 10 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH**Về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động
của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 10****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003; Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức HĐND huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26 tháng 3 năm 2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 92/2009/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức, hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 2894/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Quận 10 về thành lập Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 10;

Xét công văn số 405/BQLĐTXDCT ngày 09 tháng 8 năm 2011 của Giám đốc Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 10;

Xét công văn số 715/TCKH ngày 06 tháng 9 năm 2011 của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch về chế độ tài chính của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 10;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ Quận 10 tại Tờ trình số 527/TTr-PNV ngày 28 tháng 9 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 10.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1397/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 10.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tư pháp, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 10; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường thuộc quận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Lưu

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 10

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Quận 10)*

Chương I

VỊ TRÍ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 10 do Ủy ban nhân dân Quận 10 thành lập (trên cơ sở chuyển đổi nguyên trạng từ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quận) nhằm giúp cho Ủy ban nhân dân quận trực tiếp tổ chức quản lý thực hiện dự án do Ủy ban nhân dân quận làm chủ đầu tư; chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân Quận 10; đồng thời chịu sự hướng dẫn nghiệp vụ của các sở - ngành chức năng đối với các hoạt động liên quan.

Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 10 là đơn vị sự nghiệp công lập; được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP.

Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 10 có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 10 có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Đại diện chủ đầu tư ký kết hợp đồng kinh tế trong xây dựng cơ bản để thực hiện việc xây dựng các công trình do nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của chủ đầu tư về quản lý thực hiện dự án kể từ giai đoạn chuẩn bị dự án, lập và trình thẩm định dự án, thực hiện dự án đến khi nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng bảo đảm tính hiệu quả, tính khả thi của dự án và tuân thủ các quy định của pháp luật.

2. Kiểm tra, thẩm định thiết kế, dự toán công trình trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tổ chức việc đấu thầu hoặc chọn thầu cung cấp thiết bị và xây lắp công trình.

4. Quản lý thi công xây dựng công trình.

5. Kiểm tra chất lượng thi công, xác nhận tính pháp lý khối lượng hoàn thành và làm các thủ tục thanh toán; trường hợp có khối lượng phát sinh, Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình phải yêu cầu tổ chức thiết kế và tổ chức thi công giải trình để xem xét và kiến nghị với chủ đầu tư giải quyết.

6. Giải quyết các thủ tục về đất đai, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thực hiện việc giải phóng mặt bằng và xin cấp giấy phép xây dựng.

7. Lập kế hoạch vốn đầu tư và kế hoạch tài chính cho công trình để chủ đầu tư trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, quản lý sử dụng nguồn vốn đầu tư được giao có hiệu quả.

8. Tổ chức giám định chất lượng xây dựng, nghiệm thu công trình và bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.

9. Đình chỉ việc thực hiện các công việc xây dựng nếu chất lượng thi công không đúng tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật và không đảm bảo yêu cầu của hồ sơ thiết kế được duyệt.

10. Từ chối nghiệm thu, thanh quyết toán khi khối lượng công việc không đảm bảo chất lượng công trình.

11. Yêu cầu, quản lý, giám sát công tác bảo hành công trình.

12. Thực hiện quyết toán hàng năm và tổng quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

13. Thực hiện chế độ báo cáo sơ kết định kỳ hàng tháng, hàng quý, sáu tháng, tổng kết năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và các sở - ngành liên quan.

14. Yêu cầu các đơn vị cung cấp thông tin, tài liệu liên quan trong việc đề xuất chủ trương, kế hoạch đầu tư các dự án và tham mưu Ủy ban nhân dân quận giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực chuyên môn.

15. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, do Ủy ban nhân dân thành phố quy định và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giao hoặc ủy quyền.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Cán bộ lãnh đạo:

Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận do Giám đốc phụ trách, có từ 02 đến 03 Phó Giám đốc giúp việc Giám đốc.

Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận làm việc theo chế độ thủ trưởng.

2. Cơ cấu các tổ chức năng, nghiệp vụ trực thuộc:

Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận được tổ chức thành các Tổ:

- Tổ Hành chính quản trị;
- Tổ Dự án;
- Tổ Kỹ thuật;
- Tổ Giao thông - Hạ tầng;
- Tổ Kế toán - Thủ quỹ;
- Tổ bảo vệ.

Tổ có Tổ trưởng và 01 Tổ phó.

3. Việc thành lập, sáp nhập và sắp xếp các tổ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn thuộc thẩm quyền của Giám đốc.

Điều 4. Biên chế

Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 10 là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc hệ thống các đơn vị sự nghiệp Nhà nước, được giao định mức biên chế khung và sử dụng một phần kinh phí ngân sách (nếu có, đối với đơn vị có nguồn thu không đủ trang trải).

Tùy theo tình hình, đặc điểm công tác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 10 quyết định định mức biên chế trong tổng số biên chế sự nghiệp khác của Quận được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

Ngoài định mức biên chế nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 10 cho phép Thủ trưởng đơn vị được hợp đồng lao động (theo Bộ Luật Lao động), hợp đồng thuê, khoán công việc đối với những công việc không cần bố trí biên chế thường xuyên để đáp ứng yêu cầu công tác của đơn vị.

Chương IV**CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH, TIỀN LƯƠNG, CƠ CHẾ TÀI CHÍNH****Điều 5. Chế độ chính sách, tiền lương đối với cán bộ, viên chức**

Chế độ tiền lương của cán bộ, viên chức Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình áp dụng theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Quá trình công tác tại Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình theo diện hợp đồng của cán bộ, viên chức được tính là thời gian liên tục, để tính mức lương trong việc xét tuyển, bổ nhiệm ngạch.

Điều 6. Chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp kế toán**1. Chế độ phụ cấp chức vụ:****a) Lãnh đạo Ban:**

- Giám đốc hưởng phụ cấp chức vụ: 0,40
- Phó Giám đốc hưởng phụ cấp chức vụ: 0,30

b) Cán bộ quản lý tổ chuyên môn:

- Tổ trưởng chuyên môn, nghiệp vụ hưởng mức phụ cấp: 0,15

- Tổ phó chuyên môn, nghiệp vụ hưởng mức phụ cấp: 0,10

2. Chế độ phụ cấp kế toán:

- Kế toán trưởng được hưởng mức phụ cấp: 0,25 (bằng với phụ cấp chức vụ Tổ trưởng $0,15 + 0,10 = 0,25$).

- Phụ trách kế toán được hưởng mức phụ cấp: 0,15 (bằng với phụ cấp chức vụ Tổ trưởng).

Điều 7. Cơ chế tài chính

Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận là đơn vị sự nghiệp công lập; áp dụng cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, cơ chế tài chính được thực hiện:

- Theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ trong trường hợp nguồn thu để lập dự toán trích từ dự án theo đúng định mức quy định không đủ đảm bảo kinh phí hoạt động của Ban.

- Theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính về Ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

- Theo Thông tư số 10/2011/TT-BTC ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, xử dụng chi phí quản lý dự án của các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong trường hợp nguồn thu để lập dự toán trích từ dự án theo đúng định mức quy định đảm bảo đủ kinh phí hoạt động của Ban.

- Theo Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC.

- Theo Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước.

Điều 8. Nguồn kinh phí

Kinh phí hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 10 từ nguồn được trích từ dự án theo định mức tỷ lệ quy định do Bộ Xây dựng công bố và các nguồn thu khác (nếu có).

Trường hợp kinh phí của các dự án trên địa bàn Quận 10 không đủ chi, thì Ủy ban nhân dân quận căn cứ vào cân đối ngân sách quận để giải quyết bổ sung kinh phí hoạt động theo quy định.

Chương V
TUYỂN DỤNG, BỔ NHIỆM NGẠCH, QUẢN LÝ
VÀ SỬ DỤNG VIÊN CHỨC

Điều 9. Tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch, quản lý và sử dụng viên chức

Viên chức vào làm việc tại Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận được tổ chức xét tuyển, thực hiện chế độ tập sự và bổ nhiệm vào ngạch viên chức hoặc hợp đồng lao động và tổ chức quản lý, sử dụng viên chức theo quy định của Nhà nước.

Điều 10. Thẩm quyền xét tuyển và bổ nhiệm ngạch viên chức

Giám đốc đề nghị Ủy ban nhân dân quận thành lập Hội đồng và thực hiện việc xét tuyển, sau đó Ủy ban nhân dân quận quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch hoặc đề nghị Sở Nội vụ bổ nhiệm ngạch theo thẩm quyền.

Điều 11. Khen thưởng và xử lý kỷ luật cán bộ, viên chức

Cán bộ, viên chức, nhân viên làm việc tại Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình được khen thưởng và xét danh hiệu thi đua theo quy định hiện hành và xử lý kỷ luật theo quy định tại Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (đối với các đơn vị sự nghiệp của nhà nước); Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức và Bộ Luật Lao động.

Chương VI
PHÂN CÔNG, CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC,
PHÓ GIÁM ĐỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC NĂNG

Điều 12. Phân công, chế độ trách nhiệm

1. Giám đốc

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 10 về toàn bộ hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình; đồng thời chịu sự hướng dẫn của các sở - ngành đối với các hoạt động liên quan;

- Điều hành hoạt động của Ban; chỉ đạo cán bộ, viên chức, nhân viên của Ban lập, trình duyệt và tổ chức thực hiện các dự án trên địa bàn quận;

- Tham gia thành viên Hội đồng bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng của các dự án trên địa bàn quận và thực hiện vai trò tham mưu, giúp việc theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Quy chế này;

- Giúp Ủy ban nhân dân Quận 10 xây dựng và ban hành quyết định đình chỉ việc thực hiện các công việc xây dựng khi chất lượng thi công không đúng tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật và không đảm bảo yêu cầu của hồ sơ thiết kế được duyệt.

2. Các Phó Giám đốc

Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo lĩnh vực công tác do Giám đốc phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc, liên đới chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 10 về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã được giao. Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền thực hiện một số công việc cụ thể theo quy định.

3. Các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ

- Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc hoặc Phó Giám đốc về các lĩnh vực được phân công;

- Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của đơn vị;

- Tham mưu cho lãnh đạo giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;

- Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm cho đơn vị;

- Thực hiện các công tác khác theo sự chỉ đạo của lãnh đạo.

4. Cán bộ, viên chức, nhân viên

Cán bộ, viên chức, nhân viên làm việc tại Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình phải có năng lực, trình độ chuyên môn phù hợp với công việc, là người có phẩm chất, đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan trong thi hành công vụ và chấp hành nghiêm túc sự phân công của lãnh đạo Ban, của tổ.

Chương VII

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 13. Chế độ làm việc và hội họp

1. Chế độ làm việc

Thực hiện theo quy định chung của Nhà nước và của Quận 10.

Cán bộ, viên chức, nhân viên của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 10 đều có chức danh, nhiệm vụ cụ thể và đeo thẻ theo quy định.

Cán bộ, viên chức, nhân viên phải có thái độ, phong cách làm việc lịch sự, hòa nhã, tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, cũng như của đồng nghiệp.

2. Chế độ hội họp

Định kỳ hàng tuần họp giao ban giữa lãnh đạo Ban với các Tổ trưởng để kiểm điểm công tác trong tuần và triển khai công tác tuần tới.

Hàng tháng họp toàn thể cán bộ, viên chức, nhân viên của đơn vị một lần để kiểm điểm tình hình thực hiện công tác trong tháng và đề ra công tác cho tháng tiếp theo; đồng thời, phổ biến các chủ trương, chính sách, chế độ mới của Nhà nước và nhiệm vụ mới phát sinh ở địa phương và có văn bản báo cáo cho Ủy ban nhân dân quận và sở - ngành liên quan.

Hàng quý, 6 tháng và cuối năm, báo cáo sơ, tổng kết công tác theo quy định.

Ngoài ra, có thể tổ chức họp đột xuất để triển khai các công việc cần thiết và cấp bách theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

Điều 14. Quan hệ công tác

Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 10 có các mối quan hệ công tác như sau:

1. Đối với các sở - ngành liên quan

Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 10 chịu sự hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lập dự toán, quyết toán công trình theo đúng quy định; hướng dẫn chi tiết về xác định chủ đầu tư; thẩm định dự án; tổ chức quản lý dự án và bồi dưỡng nghiệp vụ về quản lý dự án; giám sát thi công xây dựng; xét tuyển thiết kế kiến trúc xây dựng công trình; lưu trữ hồ sơ thiết kế; phá dỡ công trình xây dựng; các nội dung khác có liên quan.

Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận thực hiện việc báo cáo kết quả công tác định kỳ, đột xuất và chuyên đề theo yêu cầu của các sở - ngành liên quan.

2. Đối với Ủy ban nhân dân Quận 10

Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 10 chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân quận. Giám đốc trực tiếp nhận chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và báo cáo Ủy ban nhân dân quận việc thực hiện những mặt công tác đã được phân công.

3. Đối với các cơ quan khác thuộc Ủy ban nhân dân quận

Thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp và hợp tác bình đẳng trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định.

Khi phối hợp giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách, nếu chưa nhất trí với ý kiến của các cơ quan khác, Giám đốc chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức xã hội quận

Phối hợp với các ngành, đoàn thể có liên quan trong việc tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật, quy định của Nhà nước để giải phóng mặt bằng, thực hiện dự án đầu tư đã được phê duyệt.

Khi các tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 10, Giám đốc có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân Quận giải quyết các yêu cầu đó theo quy định.

5. Đối với Ủy ban nhân dân 15 phường

Khi phối hợp giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Ủy ban nhân dân phường, Giám đốc tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 10 quyết định.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Căn cứ Quy chế này, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 10 có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, quyền hạn, trách nhiệm và chức danh cán bộ, viên chức, nhân viên phù hợp với tình hình địa phương, đơn vị nhưng không trái với nội dung Quy chế này.

Điều 16. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 10 đề xuất trình Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp với thực tiễn công tác sau khi trao đổi thống nhất với Trưởng Phòng Nội vụ Quận./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lưu

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4813/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2011***QUYẾT ĐỊNH****Về việc ban hành Quy chế xét tôn vinh Danh hiệu
“Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu”****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định về việc ban hành Quy chế quản lý tổ chức xét tôn vinh Danh hiệu và trao giải thưởng cho Doanh nhân và Doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố tại Văn bản số 391/CV.HH ngày 20 tháng 9 năm 2011 và của Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố tại Tờ trình số 654/TTr-TĐKT, ngày 22 tháng 9 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xét tôn vinh Danh hiệu “Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố, Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Mạnh Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Xét tôn vinh danh hiệu “Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu”

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4813/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 10 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi danh hiệu: “**DOANH NGHIỆP SÀI GÒN TIÊU BIỂU**”

Điều 2. Danh hiệu “Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu” là danh hiệu tôn vinh các doanh nghiệp đã khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, tham gia tốt các hoạt động xã hội từ thiện, góp phần tích cực trong sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố.

Điều 3.

- Quy chế này quy định về việc tổ chức xét tôn vinh danh hiệu “Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu”

- Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc tổ chức xét tôn vinh danh hiệu “Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu”

Đây là danh hiệu có giá trị cao, được bình chọn 02 năm 01 lần. Doanh nghiệp đạt được những tiêu chuẩn bình chọn đã đề ra, được tôn vinh vào dịp kỷ niệm Ngày Doanh nhân Việt Nam 13/10 (theo năm tổ chức).

Chương II

ĐỐI TƯỢNG - TIÊU CHUẨN

Điều 4. Đối tượng được tham gia dự xét tôn vinh danh hiệu “Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu” (sau đây gọi tắt là Danh hiệu) là các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có đăng ký kinh doanh hoặc có chi nhánh sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5. Tiêu chuẩn điều kiện chung

Doanh nghiệp tham gia Danh hiệu phải thuộc đối tượng được nêu tại Điều 4, Chương II của Quy chế này.

- Các doanh nghiệp có bản đăng ký và hồ sơ tham gia cuộc bình chọn theo mẫu quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

- Doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh không vi phạm pháp luật.

Điều 6. Tiêu chí, điều kiện cụ thể

1. Doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp hoàn thành vượt mức kế hoạch theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên đề ra;

2. Doanh nghiệp hoạt động đúng pháp luật;

- Không vi phạm pháp luật và các qui định của thành phố;

- Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường;

3. Thực hiện các chính sách đối với người lao động và trách nhiệm xã hội theo quy định của pháp luật; trong năm, doanh nghiệp không để xảy ra đình công trái pháp luật;

4. Các nội dung, giải pháp của doanh nghiệp trong đổi mới sản xuất kinh doanh:

- Đổi mới công nghệ, sản phẩm - dịch vụ mới...;

- Giải pháp mới, sáng kiến khoa học kỹ thuật có bước đột phá và phục vụ hiệu quả cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và cộng đồng.

- Sử dụng các công cụ quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ: các giấy chứng nhận của nhà nước và quốc tế về đăng ký chất lượng sản phẩm, chất lượng quản lý như: ISO, GAP, BRC, HACCP...;

5. Hưởng ứng tích cực cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng Hàng Việt Nam”;

6. Tham gia sinh hoạt tại các tổ chức xã hội nghề nghiệp, xã hội cộng đồng.

7. Tích cực tham gia các hoạt động xã hội cộng đồng.

8. Đạt được nhiều thành tích khác (các danh hiệu thi đua, bằng khen, giấy khen...).

Thành tích để xét tôn vinh danh hiệu “Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu” sẽ dựa trên cơ sở thành tích đạt được của doanh nghiệp trong năm trước có chú ý đến thành tích thực hiện trong 6 tháng đầu năm sau.

Điều 7. Cơ cấu Danh hiệu

Danh hiệu được xét và trao tặng cho các doanh nghiệp đại diện các loại hình, lĩnh vực ngành nghề, trong đó số lượng xét tôn vinh tối đa không quá 80 doanh nghiệp (mỗi loại hình, lĩnh vực ngành nghề không quá 05 doanh nghiệp).

Tùy theo đặc thù từng năm Hiệp hội Doanh nghiệp sắp xếp cơ cấu danh hiệu bảo đảm sao cho việc bình chọn Danh hiệu ngày càng có chất lượng cao hơn.

Chương III**BAN TỔ CHỨC - HỘI ĐỒNG XÉT CHỌN****Điều 8. Ban Tổ chức xét tôn vinh Danh hiệu gồm đại diện các cơ quan:**

- Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố là cơ quan thường trực tổ chức xét tôn vinh Danh hiệu “Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu”;

- Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố, đơn vị có trách nhiệm xem xét thẩm định hồ sơ trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định công nhận danh hiệu “Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu”;

- Các sở, ban, ngành chức năng phối hợp cho ý kiến về vấn đề liên quan đến chuyên môn đối với các doanh nghiệp tham gia Danh hiệu.

Điều 9. Hội đồng tuyển chọn

Danh hiệu “Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu” được xét tôn vinh qua 3 vòng:

Vòng 1: Hội đồng sơ khảo có 7 thành viên gồm 1 Chủ tịch Hội đồng sơ khảo (Thường trực Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố), 1 Phó Chủ tịch (Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố) và các ủy viên thuộc Sở, ban, ngành, trong đó có 1 ủy viên là thư ký Hội đồng.

Nhiệm vụ: tiến hành xem xét hồ sơ, đánh giá thực tế và đề xuất các doanh nghiệp được công nhận danh hiệu lên Hội đồng chung khảo.

Vòng 2: Hội đồng chung khảo gồm các thành viên là đại diện các Sở, ban, ngành, các tổ chức liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, do Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố làm Chủ tịch Hội đồng chung khảo.

Vòng 3: Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố xem xét, thẩm định hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công nhận Danh hiệu.

Chương IV

HỒ SƠ, QUY TRÌNH XÉT CHỌN

Điều 10. Hồ sơ tham dự xét tôn vinh gồm:

1. Bản đăng ký tham gia công nhận danh hiệu;
2. Bản khai thành tích của doanh nghiệp (theo mẫu của Ban tổ chức);
3. Bản sao các giấy chứng nhận khen thưởng (có sao y của đơn vị) hoặc thông tin được xác nhận những thành tích đạt được có liên quan đến doanh nghiệp trong thời gian xét tôn vinh hoặc trong thời gian trước (nếu có);
4. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và xác nhận thuế.

Điều 11. Quy trình xét tôn vinh

Bước 1: Các Doanh nghiệp tham gia Danh hiệu gửi bản đăng ký và hồ sơ xét tuyển theo mẫu về Ban Tổ chức xét tôn vinh Danh hiệu (Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố) vào tháng 7 và kết thúc nhận hồ sơ vào ngày 30 tháng 8 (theo năm tổ chức).

- Cơ quan Thường trực tóm tắt, xem xét hồ sơ để lựa chọn các hồ sơ đủ tiêu chuẩn theo quy định. Những hồ sơ chưa đầy đủ hay chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định sẽ được yêu cầu bổ sung, điều chỉnh trong giai đoạn sơ khảo.

- Cơ quan thường trực sẽ thông báo kết quả xét hồ sơ cho các doanh nghiệp.

Bước 2: Cơ quan thường trực lập danh sách các hồ sơ đủ tiêu chuẩn để trình Hội đồng chung khảo vòng 02.

- Hội đồng chung khảo vòng 2 tuyển chọn, xem xét, đánh giá và đưa ra kết luận các hồ sơ, đề xuất danh sách trao tặng Danh hiệu và chuyển về cho Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố. Chậm nhất vào ngày 20 tháng 9 (theo năm tổ chức).

Bước 3: Căn cứ các tiêu chuẩn, ý kiến đánh giá của các Sở, ban, ngành chức năng về lĩnh vực chuyên ngành, Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố xem xét, thẩm định và tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố ra Quyết định công nhận và trao Danh hiệu “Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu”.

Chương V

HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG - KINH PHÍ

VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Hình thức khen thưởng

1. Các doanh nghiệp đạt danh hiệu “Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu” sẽ được tôn vinh đón nhận các danh hiệu và hình thức khen thưởng sau:

- Giấy công nhận Danh hiệu “Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu” của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh theo năm tổ chức;

- Được Ủy ban nhân dân thành phố tặng Bằng khen cho các doanh nghiệp có 02 lần liên tục liền kề được công nhận Danh hiệu “Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu”;

- Được Ủy ban nhân dân thành phố xem xét đề xuất, trình Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen Thủ tướng cho các doanh nghiệp có 05 lần liên tục liền kề được công nhận Danh hiệu “Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu”.

2. Thông tin về các doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu 2011 sẽ được đăng tin trên Báo Doanh nhân Sài Gòn (cơ quan ngôn luận của Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố) và một số cơ quan Báo, Đài, trên Website của Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố và các phương tiện truyền thông khác của Hiệp hội.

Điều 13. Kinh phí tổ chức Danh hiệu

Doanh nghiệp tham gia Cuộc bình chọn “Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu”: không đóng bất kỳ một khoản phí nào cho Ban Tổ chức.

Nguồn kinh phí tổ chức công nhận danh hiệu: được vận động từ sự hỗ trợ của các tổ chức Hội, các doanh nghiệp thành viên Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố cho công tác tuyên truyền, quảng bá, đánh giá, trao Danh hiệu, tổ chức lễ trao tặng Danh hiệu “Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu”.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Hội đồng xét chọn Danh hiệu có trách nhiệm phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố, các Sở, ban, ngành, các đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện tốt và đảm bảo uy tín đối với việc bình chọn Danh hiệu này.

Hội đồng xét tôn vinh Danh hiệu có quyền tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố ra Quyết định thu hồi Danh hiệu nếu như doanh nghiệp có những vi phạm một trong các tiêu chuẩn bình chọn trước thời gian tổ chức Lễ trao Danh hiệu.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc thay đổi sẽ được xem xét, sửa đổi hoàn chỉnh cho phù hợp và sẽ được thông báo rộng rãi cho tất cả các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất và kinh doanh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh./

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4834/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000
(quy hoạch phân khu) khu dân cư phường 8, 9, 10, quận 8
(phần hạ tầng kỹ thuật)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 8372/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 8 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên Phường 8-9-10, quận 8;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2877/TTr-SQHKT ngày 15 tháng 10 năm 2010 về đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu dân cư phường 8, 9, 10, quận 8,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch

phân khu) khu dân cư liên phường 8-9-10 quận 8 phần hạ tầng kỹ thuật với các nội dung chính như sau:

1. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị:

- Quy hoạch chiều cao:

+ Áp dụng giải pháp san ủi cục bộ kết hợp với nâng dần nền hiện hữu đến cao độ quy định.

+ Cao độ nền xây dựng lựa chọn: $H_{xd} \geq 2,00m$ - Hệ cao độ VN 2000.

+ Cao độ thiết kế đường được xác định đảm bảo điều kiện kỹ thuật tổ chức giao thông và thoát nước mặt cho khu vực.

- Quy hoạch thoát nước mưa:

+ Tổ chức thoát riêng hệ thống thoát nước thải và mưa, cống thoát nước đặt ngầm.

+ Với các tuyến cống hiện trạng đang đảm nhận thoát nước cho khu vực: giữ lại và cải tạo, nạo vét để nâng cao hiệu quả thoát nước.

+ Tổ chức các tuyến cống xây dựng mới theo định hướng quy hoạch chung, dọc các trục đường giao thông chính: Hưng Phú, Chánh Hưng...

+ Nguồn thoát nước: tập trung thoát xả ra kênh Đồi, kênh Tàu Hũ.

+ Thông số kỹ thuật mạng lưới:

• Kích thước các tuyến cống chính biến đổi từ $\Phi 600$ đến $\Phi 1500$.

• Độ sâu chôn cống tối thiểu $H_c \geq 0,70m$; độ dốc cống tối thiểu đảm bảo khả năng tự làm sạch cống $i \geq 1/D$.

Lưu ý:

+ Với cống thoát nước đề xuất quy hoạch mới: vị trí tuyến và các thông số kỹ thuật dọc tuyến đề nghị trong các giai đoạn thiết kế đầu tư xây dựng cụ thể sẽ hoàn chỉnh chi tiết, đảm bảo sự phù hợp với điều kiện hiện trạng và kế hoạch đầu tư hạ tầng kỹ thuật của khu vực.

+ Riêng các tuyến cống thuộc dự án cải tạo rạch Ụ Cây: đề nghị xây dựng và quản lý theo các số liệu cụ thể đã được duyệt của dự án.

2. Quy hoạch cấp năng lượng và chiếu sáng đô thị:

- Chỉ tiêu cấp điện: $2500 \div 2800$ KWh/người/năm.

- Nguồn cấp điện cho khu quy hoạch được lấy từ trạm hiện hữu 110/15-22KV Chánh Hưng.

- Trạm biến áp phân phối 15-22/0,4KV đặt ngoài trời kém mỹ quan và thiếu an toàn sẽ thay dần bằng trạm phòng, trạm đơn thân (trạm cột), riêng các trạm phòng có công suất nhỏ cần cải tạo và thay máy có công suất lớn.

- Phương án quy hoạch lưới phân phối:

+ Mạng trung thế 15KV hiện hữu đi trên trụ bê tông ly tâm và ngầm được thay thế dần bằng cáp ngầm 22KV tiết diện trên các trục chính $S \geq 240\text{mm}^2$.

+ Xây dựng mới các tuyến 22KV xuất phát từ trạm 110/15-22KV dẫn dọc theo các trục đường giao thông chính trong khu dân cư dùng cáp đồng 3 lõi cách điện XLPE, chôn ngầm.

+ Mạng hạ thế cấp điện cho các công trình dùng cáp đồng 4 lõi bọc cách điện chôn ngầm, tiết diện phù hợp với các công trình.

+ Mạng hạ thế hiện hữu đi trên trụ bê tông ly tâm sử dụng cáp ABC sẽ dần được thay thế bằng cáp ngầm.

+ Chiếu sáng giao thông sử dụng đèn cao áp Sodium 150W÷250W-220V gắn trên trụ thép mạ kẽm cao 8m÷9m.

3. Quy hoạch cấp nước đô thị:

+ Nguồn cấp nước: Sử dụng nguồn nước máy thành phố, dựa vào tuyến ống cấp nước hiện trạng $\Phi 350$ trên đường Hưng Phú thuộc hệ thống Nhà máy nước Thủ Đức, tuyến ống cấp nước $\Phi 500$ dự kiến trên đường Hưng Phú thuộc Nhà máy nước Tân Hiệp và tuyến $\Phi 800$ dự kiến trên đường Chánh Hưng thuộc Nhà máy nước Thủ Đức III, IV.

+ Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt: 200 lít/người/ngày và Tổng lưu lượng nước cấp toàn khu: $Q_{\max} = 24.408 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Chỉ tiêu cấp nước chữa cháy: 35 lít/s cho 01 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng lúc là 02 đám cháy.

+ Mạng lưới cấp nước: Đầu nối mạng lưới bên trong khu quy hoạch với các tuyến ống hiện hữu và dự kiến quy hoạch. Các tuyến ống cấp nước chính được thiết kế theo mạng vòng nhằm đảm bảo an toàn và cung cấp nước liên tục. Từ các vòng cấp nước chính phát triển các tuyến nhánh phân phối nước tới các khu tiêu thụ.

+ Hệ thống cấp nước chữa cháy: Dựa trên các tuyến ống cấp nước bố trí trụ cứu hỏa với bán kính phục vụ 100 - 150m. Đồng thời, bố trí thêm các điểm lấy nước mặt chữa cháy trên kênh Tàu Hủ - kênh Đôi.

4. Quy hoạch thoát nước thải và rác thải:

a) Thoát nước thải:

- Chỉ tiêu thoát nước thải sinh hoạt: 200 lít/người/ngày và Tổng lưu lượng nước thải toàn khu: $Q_{\max} = 18.985 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Giải pháp thoát nước thải:

+ Sử dụng hệ thống công thoát nước thải chung. Nước thải phân tiêu phải được xử lý bằng bể tự hoại trước khi thoát vào cống thu nước thải.

+ Ở giai đoạn đầu: Nước thải tạm thời được thoát ra kênh Đôi và kênh Tàu Hủ.

+ Ở giai đoạn dài hạn: Nước thải được tách ra khỏi hệ thống công thoát nước thải chung bằng giếng tách dòng và thoát vào cống bao thu nước thải đưa về Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại xã Bình Hưng - Bình Chánh.

b) Rác thải:

+ Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: 1,0 kg/người/ngày và tổng lượng rác thải sinh hoạt: 56,5 tấn/ngày.

+ Phương án xử lý rác thải: Rác thải phải được phân loại, đưa đến trạm ép rác kín và được vận chuyển đến các Khu xử lý rác tập trung của thành phố theo quy hoạch.

+ Trong các khu công trình công cộng cần phải bố trí nhà vệ sinh công cộng.

5. Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống: Việc bố trí, sắp xếp đường dây, đường ống có thể thay đổi trong các dự án triển khai thiết kế kỹ thuật nhưng vẫn đảm bảo theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có đính kèm bản vẽ quy hoạch được nêu tại Điều 1.

Giao Ủy ban nhân dân quận 8 phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc để tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch đô thị theo quy định.

Trên cơ sở đồ án quy hoạch đô thị được phê duyệt này, Ủy ban nhân dân quận 8 có kế hoạch tổ chức lập quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị theo quy định để làm cơ sở quản lý xây dựng đô thị, phát triển đô thị theo quy hoạch và định hướng phát triển kiến trúc đô thị, bảo vệ cảnh quan đô thị, kiểm soát việc xây dựng, chỉnh

trang, phát triển đô thị trong phạm vi quy hoạch; đồng thời tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và hồ sơ cấm mốc giới theo đồ án quy hoạch đô thị để triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Viện Nghiên cứu phát triển thành phố, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 8, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 8, 9, 10 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4836/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000
(quy hoạch phân khu) khu dân cư Rạch Lào (khu A)
phường 15, quận 8 (phần hạ tầng kỹ thuật)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2674/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung quận 8;

Căn cứ Quyết định số 10322/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận 8 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Rạch Lào (khu A) phường 15, quận 8 (phần kiến trúc giao thông);

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu dân cư Rạch Lào (khu A) phường 15, quận 8 (phần hạ tầng kỹ thuật) tại Tờ trình số 3018/TTr-SQHKT ngày 27 tháng 10 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu dân cư Rạch Lào phường 15 quận 8 (phần hạ tầng kỹ thuật) với các nội dung chính như sau:

1. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị:

- Quy hoạch chiều cao:

+ Áp dụng giải pháp tôn nền đạt cao độ thiết kế đối với những khu vực xây dựng mới. Với khu vực hiện hữu chính trang khuyến cáo cải tạo nâng dần nền hiện hữu đến cao độ quy định.

+ Cao độ nền xây dựng lựa chọn: $H_{xd} \geq 2,00m$ - Hệ cao độ VN 2000.

+ Cao độ thiết kế đường được xác định đảm bảo điều kiện kỹ thuật tổ chức giao thông và thoát nước mặt cho khu vực.

- Quy hoạch thoát nước mưa:

+ Sử dụng hệ thống thoát nước chung nước thải và mưa có hệ thống công phân tách nước thải phía cuối nguồn trước khi thoát xả ra sông rạch thoát nước.

+ Với các tuyến cống hiện trạng đang đảm nhận thoát nước cho khu vực: giữ lại và cải tạo, nạo vét để nâng cao hiệu quả thoát nước.

+ Các tuyến cống chính trên các trục đường Bình Trưng Đông, Lưu Hữu Phước, Nguyễn Nhược Thị...: tổ chức theo thiết kế được duyệt của Dự án Cải tạo Môi trường nước.

+ Tổ chức các tuyến cống xây dựng mới theo hướng từ trung tâm khu đất về phía các rạch chính, kênh Đồi và kênh Lò Gốm - Tàu Hũ.

+ Nguồn thoát nước: tập trung thoát xả ra kênh Lò Gốm - Tàu Hũ, kênh Đồi, rạch Lào và hệ thống các kênh ngang.

+ Thông số kỹ thuật mạng lưới:

• Thống nhất với quy mô lưu vực và kích thước đề xuất thiết kế cho các tuyến cống trong khu vực quy hoạch. Kích thước các tuyến cống chính biến đổi từ $\Phi 600$ đến $\Phi 1000$.

• Độ sâu chôn cống tối thiểu $H_c \geq 0,70m$; độ dốc cống tối thiểu đảm bảo khả năng tự làm sạch cống $i \geq 1/D$.

Lưu ý:

+ Với công thoát nước đề xuất quy hoạch mới: vị trí tuyến và các thông số kỹ thuật dọc tuyến đề nghị trong các giai đoạn thiết kế đầu tư xây dựng cụ thể sẽ hoàn chỉnh chi tiết, đảm bảo sự phù hợp với điều kiện hiện trạng và kế hoạch đầu tư hạ tầng kỹ thuật của khu vực.

+ Riêng các tuyến cống thuộc Dự án Môi trường nước đang triển khai trong khu vực đề nghị quản lý theo các số liệu cụ thể đã được duyệt của Dự án.

2. Quy hoạch cấp năng lượng và chiếu sáng đô thị:

- Chỉ tiêu cấp điện: 1500 ÷ 2500 KWh/người/năm.

- Nguồn cấp điện cho khu quy hoạch được lấy từ trạm hiện hữu 110/15-22KV Phú Định.

- Trạm biến áp phân phối 15-22/0,4KV đặt ngoài trời kém mỹ quan và thiếu an toàn sẽ thay dần bằng trạm phòng, trạm đơn thân (trạm cột), riêng các trạm phòng có công suất nhỏ cần cải tạo và thay máy có công suất lớn.

- Phương án quy hoạch lưới phân phối:

+ Mạng trung thế 15KV hiện hữu đi trên trụ bê tông ly tâm được thay thế dần bằng cáp ngầm 22KV tiết diện trên các trục chính $S \geq 240\text{mm}^2$.

+ Xây dựng mới các tuyến 22KV xuất phát từ trạm 110/15-22KV dẫn dọc theo các trục đường giao thông chính: Mễ Cốc, Bến Bình Đông, Lưu Hữu Phước trong khu dân cư dùng cáp đồng 3 lõi cách điện XLPE, chôn ngầm.

+ Mạng hạ thế cấp điện cho các công trình dùng cáp đồng 4 lõi bọc cách điện chôn ngầm, tiết diện phù hợp với các công trình.

+ Mạng hạ thế hiện hữu đi trên trụ bê tông ly tâm sử dụng cáp ABC sẽ dần được thay thế bằng cáp ngầm.

+ Chiếu sáng giao thông sử dụng đèn cao áp Sodium 150W÷250W-220V gắn trên trụ thép mạ kẽm cao 8m÷9m.

3. Quy hoạch cấp nước đô thị:

- Nguồn cấp nước: Sử dụng nguồn nước máy thành phố, dựa vào các tuyến ống cấp nước hiện hữu $\Phi 300$ trên đường Bến Bình Đông, $\Phi 350$ trên đường Lương Văn Can và $\Phi 150$ trên đường Lưu Hữu Phước, đường Nguyễn Sỹ Cố, đường Nguyễn Nhược Thị thuộc hệ thống Nhà máy nước Thủ Đức và Nhà máy nước Tân Hiệp giai đoạn 1.

- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt: 200 lít/người/ngày và tổng lưu lượng nước cấp toàn khu: $Q_{\max} = 9.500 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Chỉ tiêu cấp nước chữa cháy: 15 lít/s cho 1 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng lúc là 2 đám cháy.

- Mạng lưới cấp nước: Đầu nối mạng lưới bên trong khu quy hoạch với các tuyến ống hiện hữu và dự kiến quy hoạch. Các tuyến ống cấp nước chính được thiết kế theo mạng vòng nhằm đảm bảo an toàn và cung cấp nước liên tục. Từ các vòng cấp nước chính phát triển các tuyến nhánh phân phối nước tới các khu tiêu thụ.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Dựa trên các tuyến ống cấp nước bố trí trụ cứu hỏa với bán kính phục vụ 100 - 150m. Đồng thời, bố trí thêm các điểm lấy nước mặt chữa cháy trên kênh Tàu Hủ - kênh Đôi.

4. Quy hoạch thoát nước thải và rác thải:

- Thoát nước thải:

+ Chỉ tiêu thoát nước thải sinh hoạt: 200 lít/người/ngày và Tổng lưu lượng nước thải toàn khu: $Q_{\max} = 7.392 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Giải pháp thoát nước thải:

• Sử dụng hệ thống cống thoát nước thải riêng hoàn toàn. Nước thải phân tiểu phải được xử lý bằng bể tự hoại trước khi thoát vào cống thu nước thải.

• Ở giai đoạn đầu: Toàn bộ nước thải của khu quy hoạch được thu gom và đưa về trạm xử lý nước thải cục bộ đặt tại Rạch Lào. Nước thải sau khi xử lý phải đạt QCVN 14:2008/BTNMT mới được xả ra Rạch Lào.

• Ở giai đoạn dài hạn: Nước thải từ trạm xử lý nước thải cục bộ được thu gom và thoát vào cống thu nước thải để đưa về Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại xã Tân Nhựt - Bình Chánh.

+ Mạng lưới thoát nước thải: Phù hợp với giải pháp thoát nước thải.

- Rác thải:

+ Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: 1,0 kg/người/ngày và tổng lượng rác thải sinh hoạt là 22,0 tấn/ngày.

+ Phương án xử lý rác thải: Rác thải phải được phân loại, thu gom mỗi ngày và được vận chuyển đến các Khu xử lý rác của thành phố theo quy hoạch.

5. Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống: Thống nhất theo đề xuất.

Lưu ý: việc bố trí, sắp xếp đường dây, đường ống có thể thay đổi trong các dự án triển khai thiết kế kỹ thuật nhưng vẫn đảm bảo theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có đính kèm bản vẽ quy hoạch được nêu tại Điều 1.

Giao Ủy ban nhân dân quận 8 phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc để tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch đô thị theo quy định.

Trên cơ sở đồ án quy hoạch đô thị được phê duyệt này, Ủy ban nhân dân quận 8 có kế hoạch tổ chức lập quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị theo quy định để làm cơ sở quản lý xây dựng đô thị, phát triển đô thị theo quy hoạch và định hướng phát triển kiến trúc đô thị, bảo vệ cảnh quan đô thị, kiểm soát việc xây dựng, chỉnh trang, phát triển đô thị trong phạm vi quy hoạch; đồng thời tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và hồ sơ cắm mốc giới theo đồ án quy hoạch đô thị để triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Viện Nghiên cứu phát triển thành phố, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 8, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 15 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4837/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000
(quy hoạch phân khu) khu dân cư công viên phường 4, quận 8
(phần hạ tầng kỹ thuật)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 7930/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận 8 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư - Công viên Văn hóa phường 4, quận 8 (phần kiến trúc - giao thông).

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư Công viên phường 4, quận 8 (phần hạ tầng kỹ thuật) tại Tờ trình số 2891/TTr-SQHKT ngày 15 tháng 10 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch

phân khu) khu dân cư công viên phường 4 quận 8 (phần hạ tầng kỹ thuật) với các nội dung chính như sau:

1. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị:

- Quy hoạch chiều cao:

+ Áp dụng giải pháp san ủi cục bộ kết hợp với nâng dần nền hiện hữu đến cao độ quy định.

+ Cao độ nền xây dựng lựa chọn: $H_{xd} \geq 2,00m$ - Hệ cao độ VN 2000.

+ Cao độ thiết kế đường được xác định đảm bảo điều kiện kỹ thuật tổ chức giao thông và thoát nước mặt cho khu vực.

- Quy hoạch thoát nước mưa:

+ Tổ chức thoát riêng hệ thống thoát nước thải và mưa, cống thoát nước đặt ngầm.

+ Với các tuyến cống hiện trạng đang đảm nhận thoát nước cho khu vực: giữ lại và cải tạo, nạo vét để nâng cao hiệu quả thoát nước.

+ Tổ chức các tuyến cống xây dựng mới theo định hướng quy hoạch chung, dọc các trục đường giao thông chính: Phạm Hùng, Tạ Quang Bửu, Cao Lỗ...

+ Nguồn thoát nước: tập trung thoát xả ra kênh Đồi, rạch Ông Nhỏ và rạch Du.

+ Thông số kỹ thuật mạng lưới:

• Thống nhất với quy mô lưu vực và kích thước đề xuất thiết kế cho các tuyến cống trong khu vực quy hoạch. Kích thước các tuyến cống chính biến đổi từ $\Phi 600$ đến B1400x1400.

• Độ sâu chôn cống tối thiểu $H_c \geq 0,70m$; độ dốc cống tối thiểu đảm bảo khả năng tự làm sạch cống $i \geq 1/D$.

Lưu ý: Với cống thoát nước đề xuất quy hoạch mới, vị trí tuyến và các thông số kỹ thuật dọc tuyến đề nghị trong các giai đoạn thiết kế đầu tư xây dựng cụ thể sẽ hoàn chỉnh chi tiết, đảm bảo sự phù hợp với điều kiện hiện trạng và kế hoạch đầu tư hạ tầng kỹ thuật của khu vực.

2. Quy hoạch cấp năng lượng và chiếu sáng đô thị:

- Chỉ tiêu cấp điện: 2.500 KWh/người/năm.

- Nguồn cấp điện cho khu quy hoạch được lấy từ trạm hiện hữu 110/15-22KV Chánh Hưng.

- Trạm biến áp phân phối 15-22/0,4KV đặt ngoài trời kém mỹ quan và thiếu an toàn sẽ thay dần bằng trạm phòng, trạm đơn thân (trạm cột), riêng các trạm phòng có công suất nhỏ cần cải tạo và thay máy có công suất lớn.

- Phương án quy hoạch lưới phân phối:

+ Mạng trung thế 15KV hiện hữu đi trên trụ BTLT và ngầm được thay thế dần bằng cáp ngầm 22KV tiết diện trên các trụ chính $S \geq 240\text{mm}^2$.

+ Xây dựng mới các tuyến 22KV xuất phát từ trạm 110/15-22KV dẫn dọc theo các trục đường giao thông chính Phạm Thế Hiển, Cao Lỗ, Tạ Quang Bửu, Phạm Hùng... trong khu dân cư dùng cáp đồng 3 lõi cách điện XLPE, chôn ngầm.

+ Mạng hạ thế cáp điện cho các công trình dùng cáp đồng 4 lõi bọc cách điện chôn ngầm, tiết diện phù hợp với các công trình.

+ Mạng hạ thế hiện hữu đi trên trụ BTLT sử dụng cáp ABC sẽ dần được thay thế bằng cáp ngầm.

+ Chiếu sáng giao thông sử dụng đèn cao áp Sodium 150W÷250W-220V gắn trên trụ thép mạ kẽm cao 8m÷9m.

Lưu ý: Đảm bảo an toàn hành lang tuyến 110KV đi qua khu quy hoạch.

3. Quy hoạch cấp nước đô thị:

- Nguồn cấp nước: Sử dụng nguồn nước máy thành phố, dựa vào tuyến ống hiện hữu $\Phi 250$ trên đường Phạm Thế Hiển, $\Phi 300$ trên đường Cao Lỗ, $\Phi 300$ trên đường Phạm Hùng thuộc hệ thống Nhà máy nước Thủ Đức, tuyến $\Phi 600$ dự kiến trên đường Tạ Quang Bửu thuộc Nhà máy nước Tân Hiệp và tuyến $\Phi 800$ dự kiến trên đường Phạm Hùng thuộc Nhà máy nước Thủ Đức III, IV.

- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt: 200 lít/người/ngày và tổng lưu lượng nước cấp toàn khu: $Q_{\max} = 17.280 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Chỉ tiêu cấp nước chữa cháy: 25 lít/s cho 01 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng lúc là 02 đám cháy.

- Mạng lưới cấp nước: Đầu nối mạng lưới bên trong khu quy hoạch với các tuyến ống hiện hữu và dự kiến quy hoạch. Các tuyến ống cấp nước chính được thiết kế theo mạng vòng nhằm đảm bảo an toàn và cung cấp nước liên tục. Từ các vòng cấp nước chính phát triển các tuyến nhánh phân phối nước tới các khu tiêu thụ.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Dựa trên các tuyến ống cấp nước bố trí trụ cứu

hỏa với bán kính phục vụ 100 - 150m. Đồng thời, bố trí thêm các điểm lấy nước mặt chữa cháy trên rạch Ông Nhỏ - kênh Đôi.

4. Quy hoạch thoát nước thải và rác thải:

- Thoát nước thải:

+ Chỉ tiêu thoát nước thải sinh hoạt: 200 lít/người/ngày và tổng lưu lượng nước thải toàn khu: $Q_{\max} = 13.440 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Giải pháp thoát nước thải:

- Sử dụng hệ thống công thoát nước thải chung. Nước thải phân tiêu phải được xử lý bằng bể tự hoại trước khi thoát vào cống thu nước thải.

- Ở giai đoạn đầu: Nước thải tạm thời được thoát ra kênh Đôi và rạch Ông Nhỏ.

- Ở giai đoạn dài hạn: Nước thải được tách ra khỏi hệ thống công thoát nước thải chung bằng giếng tách dòng và thoát vào cống bao thu nước thải đưa về Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại xã Bình Hưng - Bình Chánh.

+ Mạng lưới thoát nước thải: Phù hợp với giải pháp thoát nước thải.

- Rác thải:

+ Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: 1,0 kg/người/ngày và tổng lượng rác thải sinh hoạt là 40,0 tấn/ngày.

+ Phương án xử lý rác thải: Rác thải phải được phân loại, thu gom mỗi ngày và được vận chuyển đến các khu xử lý của thành phố theo quy hoạch.

5. Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống: Thống nhất theo đề xuất.

Lưu ý: việc bố trí, sắp xếp đường dây, đường ống có thể thay đổi trong các dự án triển khai thiết kế kỹ thuật nhưng vẫn đảm bảo theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có đính kèm bản vẽ quy hoạch được nêu tại Điều 1.

Giao Ủy ban nhân dân quận 8 phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc để tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch đô thị theo quy định hiện hành.

Trên cơ sở đồ án quy hoạch đô thị được phê duyệt này, Ủy ban nhân dân quận 8 có kế hoạch tổ chức lập quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị theo quy định để làm cơ sở quản lý xây dựng đô thị, phát triển đô thị theo quy hoạch và định hướng phát triển kiến trúc đô thị, bảo vệ cảnh quan đô thị, kiểm soát việc xây dựng, chỉnh trang, phát triển đô thị trong phạm vi quy hoạch; đồng thời tổ chức lập, thẩm định,

phê duyệt nhiệm vụ và hồ sơ cấm mốc giới theo đồ án quy hoạch đô thị để triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Viện Nghiên cứu phát triển thành phố, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 8, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 4 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 14.000 đồng